

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 24/7/2024.

“V/v: Ly hôn giữa anh T và chị L”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.

2. Bà Hoàng Thị Quế.

-Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thùy - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 24/7/2024, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2024 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1990;

- Bị đơn: Chị Đoàn Thị Thương L, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.**

Anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng T và chị Đoàn Thị T1 Lệ qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 28/8/2017.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân căng thẳng, không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Anh chị sống ly thân với nhau đã hơn 02 năm và không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng nên anh **T** đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **L**.

2. Về con chung: Anh **T** và chị **L** có 02 con chung tên **Nguyễn Quỳnh T2**, sinh ngày 23/8/2018 và **Nguyễn Anh T3**, sinh ngày 15/10/2020. Sau khi ly hôn, anh **T** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; anh không yêu cầu chị **L** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh **T** và chị **L** không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Đoàn Thị Thương L: Quá trình giải quyết vụ án, chị **L** luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 06/7/2024, mặc dù đã được Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng chị **L** đã vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, chị lại tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên **Đoàn Thị Thương L-Nguyễn Trọng T (bản chính)**, 01 Căn cước công dân mang tên **Nguyễn Trọng T (bản sao)**, 01 Giấy khai sinh mang tên **Nguyễn Anh T3 (bản sao)** và 01 Trích lục khai sinh mang tên **Nguyễn Quỳnh T2 (bản sao)**.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh **Nguyễn Trọng T** và chị **Đoàn Thị Thương L** tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại **UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai** vào ngày 28/8/2017; anh chị có 02 con chung tên **Nguyễn Quỳnh T2**, sinh ngày 23/8/2018 và **Nguyễn Anh T3**, sinh ngày 15/10/2020. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do anh **T** giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn mang tên **Đoàn Thị Thương L-Nguyễn Trọng T (bản chính)**, Giấy khai sinh mang tên **Nguyễn Anh T3 (bản sao)** và Trích lục khai sinh mang tên **Nguyễn Quỳnh T2 (bản sao)**.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Nguyễn Trọng T**, xử cho anh **T** được ly hôn với bị đơn chị **Đoàn Thị Thương L**; giao 02 con chung là cháu **Nguyễn Quỳnh T2**, sinh ngày 23/8/2018 và cháu **Nguyễn Anh T3**, sinh ngày 15/10/2020 cho anh **T** nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động, do anh **T** không yêu cầu nên chị **L** không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; anh **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm (LHST) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng dân sự:* Anh Nguyễn Trọng T có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh và chị Đoàn Thị Thương L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Trọng T và chị Đoàn Thị Thương L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 28/8/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân căng thẳng, không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị sống ly thân với nhau đã hơn 02 năm và không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Về phía bị đơn chị Đoàn Thị Thương L đã không hợp tác làm việc, luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức nên việc đoàn tụ gia đình không thể thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị L.

[3] *Về con chung:* Anh Nguyễn Trọng T và chị Đoàn Thị Thương L có 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh T2, sinh ngày 23/8/2018 và Nguyễn Anh T3, sinh ngày 15/10/2020. Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; anh không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị này của anh T là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay của anh và chị L, hiện hai con chung đang ở với anh T, được anh chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, trong khi chị L lại chưa có ý kiến trình bày quan điểm về việc nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của anh T: Giao 02 con chung là các cháu Nguyễn Quỳnh T2 và Nguyễn Anh T3 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do anh T không yêu cầu nên chị L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Theo anh T thì anh và chị L không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét. Đối với chị L, do chị chưa có ý kiến trình bày quan điểm về tài sản chung và nợ chung nên nếu giữa chị và anh T xảy ra tranh chấp với nhau thì chị có quyền khởi kiện anh T trong vụ kiện dân sự khác.

[5] *Về án phí LHST:* Anh T phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T, xử cho anh T được ly hôn với bị đơn chị Đoàn Thị Thương L.

2. Về con chung: Giao các con chung là các cháu Nguyễn Quỳnh T2, sinh ngày 23/8/2018 và Nguyễn Anh T3, sinh ngày 15/10/2020 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do anh T không yêu cầu nên chị L không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002146 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; anh T đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

Lê Văn N

Nơi nhận:

THẨM

-TA tỉnh;

-VKS KBang;

-THA KBang;

-Các đương sự;

-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

